

Bản án số: **14/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 14 - 3 - 2022

V/v: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành
Ông Phạm Công Gia.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc: “*Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/02/2022 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 01/TB-TA ngày 27/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Công T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số B, Khu phố BP, phường BN, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Bà **Phan Thị Hồng V**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp X, xã PĐ, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T, bà V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2021, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Công T thể hiện:

Ông và bà Phan Thị Hồng V tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và bắt đầu chung sống vào năm 1993. Tuy nhiên, ông bà không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ mà chỉ tổ chức lễ cưới giữa hai bên gia đình. Ông bà sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do đó, cuộc sống chung không hạnh phúc hay xảy ra cãi nhau. Từ cuối năm 2015, ông chuyển hộ khẩu tại Ấp X, xã PĐ, huyện TP, tỉnh Đồng Nai đến Khu phố BP, phường BN, thị xã TA, tỉnh Bình Dương sinh sống và ông bà không sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Nay tình cảm không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà V.

Về con chung: Quá trình sống chung ông và bà V có 02 con chung tên Nguyễn Công T1 – sinh ngày 27/01/1994 và Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 05/5/1999. Hiện tại, con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình tố tụng của bị đơn bà Phan Thị Hồng V thể hiện:

Bà và ông Nguyễn Công T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới sống chung vào năm 1993. Bà V không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PD nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 1999 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người thường xuyên bất đồng quan điểm, không hòa hợp, thường hay cự cãi. Nay Ông T yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý.

- Về con chung: Bà V thừa nhận ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Công T1 – sinh ngày 27/01/1994 và Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 05/5/1999. Hiện tại, con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà V trình bày không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện, Chứng minh nhân dân của các nguyên đơn, căn cước công dân của bị đơn (Bản sao), Sổ hộ khẩu của nguyên đơn (Bản sao); Giấy khai sinh của con chung (Bản sao); Đơn xin xác nhận đề ngày 29/4/2021 (bản chính). Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ tại xã PD, huyện Tân Phú. Bản sao các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã gửi cho bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa Ông T và bà V là vợ chồng vì ông bà không đăng ký kết hôn.

+ Về con chung: Ông T và bà V có 02 con chung tên Nguyễn Công T1 – sinh ngày 27/01/1994 và Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 05/5/1999. Hiện tại, con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- + Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà V trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.
- + Về án phí: Ông T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà V có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Ấp X, xã PD, huyện TP, Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 27/12/2021, Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà V. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định Ông T là nguyên đơn, bà V là bị đơn trong vụ án.

- Ông T và bà V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà V tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Nay tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà V và bà đồng ý chấp nhận.

Do Ông T, bà V sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân – Gia đình 2014, việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, Điều 9 và Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi thành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016. Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Công T và bà Phan Thị Hồng V là vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như Tòa án thu thập được cho các bên đương sự. Tòa án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ông T, bà V không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

[2.2]. Về con chung: Ông T và bà V có 02 con chung tên Nguyễn Công T1 – sinh ngày 27/01/1994 và Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 05/5/1999. Hiện tại, con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 của Quốc hội; Khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Công T và bà Phan Thị Hồng V là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông T và bà V có 02 con chung tên Nguyễn Công T1 – sinh ngày 27/01/1994 và Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 05/5/1999. Hiện tại, con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Công T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) Ông T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002207 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Công T và bà Phan Thị Hồng V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người chơi được thi hành án dân sự, người chơi phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã PĐ để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan